

THỰC TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CHO GIÁO VIÊN MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ, TỈNH QUẢNG TRỊ

NGUYỄN THỊ THU HIỀN

Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế

TRẦN VĂN HIẾU

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế

Tóm tắt: Bài báo phản ánh kết quả nghiên cứu thực trạng và biện pháp quản lý công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non trên địa bàn thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập qua phương pháp điều tra, phỏng vấn với mẫu nghiên cứu là 87 cán bộ quản lý và giáo viên của 06 trường mầm non trên địa bàn thị xã Quảng Trị. Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng đội ngũ giáo viên chưa đồng đều, công tác bồi dưỡng thường xuyên vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế. Từ sự phân tích, đánh giá thực trạng công tác bồi dưỡng thường xuyên và quản lý công tác bồi dưỡng thường xuyên, nghiên cứu đã đề xuất 8 biện pháp quản lý công tác bồi dưỡng thường xuyên nhằm góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp cho giáo viên mầm non ở thị xã Quảng Trị đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: quản lý, bồi dưỡng thường xuyên, giáo viên mầm non

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quyết định phê duyệt đề án phổ cập giáo dục mầm non (GDMN) cho trẻ 5 tuổi giai đoạn 2010-2015 (Quyết định số 239/QĐ-TTg) của Thủ tướng Chính phủ, trong phần IV- Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên (GV) và cán bộ quản lý GDMN có đề cập: “Đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng thường xuyên (BDTX) cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, cập nhật kiến thức và kỹ năng cho giáo viên để thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới...” [3]. Trong những năm qua, đội ngũ giáo viên được dự tuyển vào các cơ sở giáo dục đều đạt trình độ đạt chuẩn trở lên, nhiều giáo viên đạt trình độ trên chuẩn và nắm được nhiều phương pháp dạy học mới, tiên tiến, phát huy được sự tích cực của trẻ. Tuy nhiên, ở một số trường vẫn còn nhiều giáo viên vẫn mang nặng ảnh hưởng của phương pháp dạy học truyền thống, thiên về giảng giải mà ít sáng tạo, thiếu ứng dụng công nghệ trong dạy học, ít tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm những điều trẻ biết, trẻ nghe. Giáo viên thiếu khả năng quan sát, đánh giá trẻ theo yêu cầu của chương trình mới. Việc tập huấn và bồi dưỡng giáo viên hàng năm để thực hiện chương trình mới vẫn còn nhiều bất cập và chưa đạt hiệu quả, ngoài ra không như các cấp học khác, mầm non không có sách giáo khoa để giáo viên có thể dựa vào sách để hướng dẫn trẻ mà mỗi hoạt động của trẻ lại là những trải nghiệm khác nhau xoay quanh những gì gần gũi với trẻ. Chính vì vậy, cần phải bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non “*cần cập nhật kiến thức kỹ năng*

còn thiếu hoặc đã lạc hậu trong một cấp học" [2] và việc quản lý tốt hoạt động bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non là nhiệm vụ cấp thiết và sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu đã được thực hiện để khảo sát thực trạng là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Việc điều tra thực trạng được thực hiện trên mẫu gồm 88 cán bộ quản lý và giáo viên của 06 trường mầm non trên địa bàn thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị. Bảng hỏi gồm có 11 câu hỏi chính chứa 89 ý hỏi chi tiết có hệ số độ tin cậy Cronbach Alpha bằng 0,976, chứng tỏ bảng hỏi là thang đo lường tốt. Dữ liệu thực trạng thu được đã được phân tích theo phương pháp thống kê toán học mô tả với các tham số là giá trị trung bình (\bar{X}) và độ lệch chuẩn (SD). Kết quả \bar{X} được mô tả thuộc 01 trong 05 nửa khoảng [1-1,5); [1,5-2,5), [2,5-3,5), [3,5-4,5), và [4,5-5] tương ứng với giá trị 5 mức thang đo trong bảng hỏi.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng quản lý công tác bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non

3.1.1. Về mặt nhận thức

Bảng 1. Thực trạng của việc xác định vai trò BDTX giáo viên mầm non

Stt	Nội dung	\bar{X}	SD	XH
1	Là cơ sở để cập nhật những kiến thức về chính trị - kinh tế xã hội	3,29	0,78	5
2	Giúp giáo viên mầm non bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp	3,45	0,59	4
3	Phát triển năng lực quản lý, dạy học và những năng lực khác theo yêu cầu chuẩn CBQL, GV	3,52	0,55	3
4	Phát triển năng lực tự học, tự bồi dưỡng, tự đánh giá	3,62	0,51	1
5	Nâng cao chất lượng năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý	3,56	0,52	2
Vai trò của công tác BDTX		3,49	0,13	

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy: 100% (87/87) cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên xác định được vai trò của việc tham gia bồi dưỡng thường xuyên. Với nội dung: “*Phát triển năng lực tự học, tự bồi dưỡng, tự đánh giá*” có giá trị trung bình $\bar{X} = 3,62$, độ lệch chuẩn là $SD = 0,51$, chứng tỏ toàn bộ CBQL, giáo viên đều đánh giá cao vai trò của việc phát triển năng lực tự học, tự bồi dưỡng, tự đánh giá. Với nội dung: “*Nâng cao chất lượng năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý*” ($\bar{X} = 3,56$) phản ánh nhận thức đúng đắn đội ngũ CBQL, giáo viên cần nâng cao chất lượng, năng lực cần thiết để đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của ngành mầm non và của xã hội. Với nội dung “*Phát triển năng lực quản lý, dạy học và những năng lực khác theo yêu cầu chuẩn CBQL, giáo viên*”. ($\bar{X} = 3,52$) chứng tỏ CBQL cũng như giáo viên đã xác định vai trò quan trọng của việc tham gia học BDTX là nâng cao các năng lực cần thiết.

3.1.2. Về nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên

Bảng 2. Nhu cầu BDTX đối với 12 nhóm nội dung phát triển năng lực nghề nghiệp

Stt	Nội dung	\bar{X}	SD	XH
1	Năng lực hiểu biết về đối tượng giáo dục của giáo viên	3,41	0,56	7
2	Năng lực hiểu biết và xây dựng môi trường giáo dục của giáo viên	3,46	0,52	6
3	Năng lực hướng dẫn và tư vấn giáo dục của giáo viên	3,37	0,59	8
4	Năng lực phát triển và cá biệt hóa với trẻ đặc biệt, chăm sóc, hỗ trợ tâm lý của giáo viên	3,34	0,68	9
5	Năng lực lập kế hoạch giáo dục của giáo viên	3,60	0,49	2
6	Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục của giáo viên.	3,62	0,49	1
7	Năng lực sử dụng thiết bị dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học của giáo viên.	3,60	0,52	2
8	Năng lực kiểm tra và đánh giá của giáo viên.	3,48	0,55	5
9	Năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên	3,17	0,72	12
10	Năng lực quản lý lớp/trường của giáo viên	3,57	0,58	4
11	Năng lực hoạt động chính trị – xã hội của giáo viên.	3,32	0,62	10
12	Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục vì sự phát triển bền vững và giáo dục hòa nhập trong giáo dục mầm non.	3,23	0,67	11
	Nhu cầu	3,44	0,14	

Nội dung chương trình BDTX giáo viên mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành trong quy chế kèm theo thông tư số 26 /2012/TT-BGDĐT [1]. Theo tinh thần quy chế, triển khai công tác BDTX được thực hiện kết hợp theo cả hai hướng là từ trên xuống và từ dưới lên. Bộ GD&ĐT, sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT chỉ đạo các nội dung bắt buộc nhằm phát triển giáo dục của ngành, địa phương nhưng trong đó giáo viên vẫn được đề xuất và lựa chọn nội dung BDTX theo nhu cầu phát triển chuyên môn liên tục của cá nhân mỗi giáo viên, hỗ trợ họ nâng cao mức độ đáp ứng so với Chuẩn nghề nghiệp và phát triển chuyên môn liên tục (phần chung bắt buộc và phần riêng theo nhu cầu của mỗi giáo viên).

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy, các CBQL, giáo viên đều xác định nhu cầu BDTX nói chung và nhu cầu BDTX đối với 12 nhóm nội dung phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non nói riêng. Tuy nhiên, nhu cầu về các nội dung không đồng đều, một số nội dung đạt giá trị trung bình không cao. Để đảm bảo công tác BDTX được tốt thì các vấn đề liên quan đều cần có biện pháp khắc phục nhằm đem lại hiệu quả cao hơn trong công tác bồi dưỡng nói chung và BDTX cho giáo viên nói riêng.

3.1.3. Về việc thực hiện mục tiêu bồi dưỡng

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy, hầu hết CBQL và giáo viên đều nhận thức đúng mục tiêu “Nâng cao ý thức, khả năng tự học, tự bồi dưỡng của đội ngũ giáo viên” trong hoạt động bồi dưỡng giáo viên ($\bar{X} = 3,56$). Còn mục tiêu “Củng cố, mở rộng, nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên” với ($\bar{X} = 3,52$). Các mục tiêu còn lại đạt ($\bar{X} = 3,36-3,47$) ở mức độ thường xuyên. Như vậy, khi CBQL nhận thức chưa đúng về

mục tiêu bồi dưỡng giáo viên sẽ ảnh hưởng đến việc thiết lập mục tiêu, xây dựng nội dung chương trình, hình thức, phương pháp bồi dưỡng và không đề ra được các giải pháp phù hợp để quản lý hoạt động BDTX cho giáo viên. Cũng như giáo viên, một khi đã nhận thức chưa đúng về mục tiêu bồi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động bồi dưỡng. Từ đó, ảnh hưởng đến chất lượng đội ngũ của giáo viên.

Bảng 3. Kết quả khảo sát việc thực hiện mục tiêu của công tác BDTX cho giáo viên mầm non

Stt	Mục tiêu của công tác bồi dưỡng	\bar{X}	SD	XH
1	Củng cố, mở rộng, nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho GV	3,52	0,63	2
2	Giúp GV đáp ứng chuẩn nghề nghiệp GVMN	3,47	0,54	3
3	Nâng cao trình độ trên chuẩn cho GV	3,36	0,61	5
4	Nâng cao ý thức, khả năng tự học, tự bồi dưỡng của đội ngũ GV	3,56	0,52	1
5	Nâng cao thái độ đúng đắn đối với nghề nghiệp	3,41	0,52	4
	Kết quả	3,54	0,032	

3.1.4. Về việc thực hiện các nội dung bồi dưỡng

Bảng 4. Mức độ hiệu quả của việc quản lý nội dung bồi dưỡng

Stt	Nội dung điều tra	\bar{X}	SD	XH
1	Nội dung bồi dưỡng 1	3,19	0,63	3
2	Nội dung bồi dưỡng 2	3,29	0,65	2
3	Các mô đun bồi dưỡng 3	3,47	0,55	1
	Mức độ hiệu quả	3,32	0,14	

Qua khảo sát, CBQL và giáo viên đều đánh giá nội dung 3 “Các mô đun bồi dưỡng nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non” ($\bar{X} = 3,47$), được đánh giá hiệu quả là thường xuyên, điều này chứng tỏ hầu hết CBQL rất coi trọng nội dung này. Tuy nhiên, kết quả vẫn chỉ mang tính tương đối. Đối chiếu với nhu cầu bồi dưỡng thường xuyên đối với 12 nhóm nội dung phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non (GVMN) (Bảng 4), chúng ta thấy nhiều nội dung trong khối kiến thức này chưa được chú trọng ở mức cao. Điều này sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý các nội dung của các nhà quản lý, ảnh hưởng đến chất lượng chung trong công tác BDTX cho giáo viên mầm non.

3.1.5. Về phương pháp bồi dưỡng

Bảng 5. Tính hiệu quả của việc đổi mới phương pháp BDTX cho GVMN

Stt	Phương pháp BDTX	\bar{X}	SD	XH
1	Phương pháp thuyết trình	3,15	0,64	4
2	Phương pháp dạy – học tích cực và tương tác (PP dạy học tình huống)	3,45	0,68	1
3	Phương pháp học tổ, nhóm	3,43	0,58	2
4	Phương pháp tự học, tự nghiên cứu	3,23	0,76	3
5	Phương pháp E- Learning	3,03	0,80	5
	Tính hiệu quả	3,26	0,18	

Theo kết quả khảo sát ở Bảng 5 cho thấy, các phương pháp số thứ tự từ 1 đến 5 có giá trị trung bình trong khoảng 3,03 - 3,45 điều này cho thấy, những phương pháp này đã được thường xuyên thực hiện, đạt mức hiệu quả. Qua phỏng vấn trực tiếp, một số giáo viên là cán bộ cốt cán có năng lực cho biết hiện nay các giáo viên sử dụng rất nhiều phương pháp để bồi dưỡng thường xuyên kiến thức cho bản thân mình, mỗi phương pháp đều mang lại những kết quả nhất định, phù hợp với từng điều kiện nhất định.

3.1.6. Về hình thức bồi dưỡng

Bảng 6. *Tính hiệu quả của việc đổi mới các hình thức BDTX cho giáo viên mầm non*

Stt	Nội dung điều tra	\bar{X}	SD	XH
1	Bồi dưỡng tập trung theo kế hoạch tập huấn của Phòng GD&ĐT	3,46	0,55	2
2	BD chuyên đề tập trung theo kế hoạch tập huấn của Phòng GD&ĐT	3,51	0,53	1
3	Trường tự tổ chức các hoạt động bồi dưỡng thường xuyên	3,46	0,61	2
4	BDTX bằng tự học (Giáo viên tự bồi dưỡng theo chương trình do Bộ GD&ĐT quy định)	3,31	0,69	5
5	Giáo viên tự bồi dưỡng theo nhu cầu của mình	3,36	0,68	4
6	BDTX bằng học từ xa (Học qua mạng internet và các phương tiện truyền thông khác)	3,23	0,76	6
	Tính hiệu quả của hình thức BDTX	3,39	0,10	

Qua Bảng 6 đánh giá mức độ hiệu quả của các hình thức BDTX, chúng tôi thấy hình thức được đánh giá hiệu quả nhất là hình thức “*Bồi dưỡng chuyên đề tập trung theo kế hoạch của Phòng GD & ĐT*” với ($\bar{X} = 3,51$), XH 1 đạt mức rất hiệu quả, qua đây chúng ta thấy rằng nhiều CBQL, giáo viên đã hài lòng về hình thức bồi dưỡng chuyên đề tập trung theo kế hoạch này, phải chăng hình thức này đã thu hút người học, hiệu quả cao.

Thực tế cho thấy, tuy các hình thức được thực hiện thường xuyên nhưng kết quả chỉ đạt ở mức hiệu quả. Do vậy, cần lựa chọn những hình thức học phù hợp để nâng cao chất lượng trong việc học bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non.

3.1.7. Về việc kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng

Kết quả khảo sát ở Bảng 7 cho thấy nội dung 2: “*Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hoạt động BDTX của giáo viên*” được xem là nội dung thực hiện thường xuyên với mức trung bình cao hơn các nội dung khác ($\bar{X} = 3,50$), chứng tỏ công tác kiểm tra đánh giá định kỳ của CBQL đã được thực hiện thường xuyên theo kế hoạch của giáo viên. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên, giáo viên sẽ chủ động hơn khi tham gia công tác BDTX. Các tiêu chí còn lại với điểm trung bình $\bar{X} = 3,11 - 3,45$ tuy vẫn được đánh giá thực hiện thường xuyên nhưng điểm trung bình thấp hơn các nhóm trên.

Qua phỏng vấn, các cán bộ lãnh đạo, các cựu hiệu trưởng có thâm niên hoạt động trong lĩnh vực giáo dục mầm non nhận xét việc thanh tra, kiểm tra hoạt động BDTX chưa thường xuyên, nội dung kiểm tra còn mang hình thức, chưa triệt để. Điều này cho thấy, công tác hoạt động kiểm tra hoạt động BDTX cần được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp lãnh đạo.

Bảng 7. Đánh giá thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động BDTX

Stt	Nội dung điều tra	\bar{X}	SD	XH
1	Xây dựng ban chỉ đạo công tác kiểm tra hoạt động BDTX	3,16	0,41	6
2	Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hoạt động BDTX của giáo viên	3,50	0,52	1
3	Quy định các tiêu chí kiểm tra, đánh giá hoạt động BDTX	3,11	0,65	7
4	Kiểm tra đánh giá qua các bài thu hoạch, bài kiểm tra qua việc vận dụng kiến thức vào hoạt động dạy học và giáo dục	3,40	0,56	4
5	Xây dựng quy trình đánh giá phải được thực hiện đúng từng bước, từng khâu trong quá trình thực hiện (từ giáo viên đến tổ đến ban giám hiệu).	3,43	0,52	3
6	Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên được thực hiện một cách công khai, rõ ràng.	3,45	0,50	2
7	Có chế độ khen thưởng kịp thời các cá nhân điển hình, đạt thành tích xuất sắc trong phong trào tự học tự bồi dưỡng thường xuyên.	3,37	0,67	5
	Kết quả đánh giá thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá	3,39	0,07	

3.1.8. Về quản lý các điều kiện hỗ trợ cho công tác bồi dưỡng

Bảng 8. Thực trạng quản lý các điều kiện phục vụ hoạt động BDTX

Stt	Nội dung điều tra	\bar{X}	SD	XH
1	Tạo điều kiện cho giáo viên được tham gia học bồi dưỡng xuyên theo định kỳ.	3,52	0,52	1
2	Xây dựng chế độ, chính sách và các nguồn quỹ liên quan. Động viên khuyến khích giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ	3,25	0,53	9
3	Trang bị đầy đủ CSVC thiết bị, máy móc, tài liệu.	3,45	0,60	2
4	Khuyến khích giáo viên ứng dụng CNTT trong hoạt động BDTX	3,36	0,59	8
5	Thực hiện chế độ lương, thưởng theo quy định của Nhà nước và theo quy chế chi tiêu nội bộ của trường mầm non.	3,38	0,70	6
6	Xây dựng và phát triển nguồn lực con người, đặc biệt là đội ngũ báo cáo viên	3,47	0,52	5
7	Công tác thi đua khen thưởng được gắn với các chế độ xét tăng lương, đề bạt, bổ nhiệm; xét đi học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	3,48	0,60	4
8	Tổ chức tham quan, học tập, sinh hoạt các đơn vị bạn trong và ngoài Tỉnh	3,37	0,70	7
9	Môi trường đảm bảo cho dạy và học: cảnh quan môi trường, phòng học, khuôn viên, đồ chơi, sân trường.	3,45	0,57	2
	Các điều kiện phục vụ hoạt động BDTX	3,41	0,08	

Kết quả khảo sát ở Bảng 8, các nội dung có thứ tự từ 1 đến 9 có giá trị trung bình trong khoảng $\bar{X} = 3,25 - 3,52$. Điều này cho thấy, những điều kiện hỗ trợ hoạt động BDTX đã được thường xuyên thực hiện và kết quả khá cao.

Hiện nay trên địa bàn thị xã, các trường mầm non đã tương đối ổn định, hệ thống cơ sở vật chất, thiết bị đang ngày càng được đầu tư và khang trang hơn, cái khó khăn của một số trường là diện tích xây dựng và sân chơi còn nhỏ hẹp. Qua khảo sát, đội ngũ CBQL, giáo viên tại các trường cho rằng, để đảm bảo và nâng cao chất lượng công tác BDTX

thì cần có đội ngũ giảng viên có năng lực, tâm huyết để giảng dạy; cần có phòng học, trang thiết bị, tài liệu đáp ứng đủ cho số lượng giáo viên để tạo điều kiện thuận lợi khi giáo viên học tập.

3.2. Nguyên nhân của thực trạng quản lý hoạt động BDTX cho GVMN

Từ thực trạng công tác quản lý hoạt động BDTX cho GVMN trên địa bàn thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị đã được phân tích, nguyên nhân chính dẫn đến sự tồn tại, yếu kém này tập trung vào một số nội dung sau:

Nhiều giáo viên có quan niệm tự mãn đã có trình độ ĐH, đã được Nhà nước tuyển dụng rồi là đủ không cần phải bồi dưỡng thêm, dẫn đến kiến thức, nghiệp vụ không đáp ứng được yêu cầu đổi mới của ngành.

Năng lực đội ngũ giáo viên không đồng đều, những giáo viên cao tuổi khó thích ứng với việc đổi mới nội dung, chương trình, nhất là đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT vào các hoạt động sự phạm; giáo viên trẻ thường thiếu kinh nghiệm trong giảng dạy và giáo dục học sinh. Khi tham gia học vẫn mang nặng hình thức “Học cho có” vì nội dung BDTX vẫn còn mang nặng tính lý thuyết nhiều hơn, chưa bổ sung được những năng lực cụ thể mà GVMN đang còn hạn chế và cần thiết trong quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục ở nhà trường.

Khi đánh giá giáo viên không có thang điểm, tiêu chí rõ ràng, dẫn đến nhiều giáo viên thấy nặng nề, nhưng lại không tìm ra giải pháp cho vấn đề đó. Vì vậy, chưa đề ra được phương hướng khắc phục nhược điểm và phát huy ưu điểm cho mỗi giáo viên, không kích thích được sự nỗ lực phấn đấu phát triển nghề nghiệp của toàn đội ngũ giáo viên.

Báo cáo viên làm công tác BDTX đa số là CBQL, giáo viên ở các trường MN nên chưa thật sự chuyên nghiệp trong công tác BDTX.

Nguồn kinh phí để phục vụ cho công tác BDTX được trích từ ngân sách nhà nước nên không nhiều, đời sống của đa số giáo viên còn khó khăn nên ảnh hưởng đến hiệu quả công tác BDTX và tự bồi dưỡng của đội ngũ giáo viên.

3.3. Các biện pháp quản lý hoạt động BDTX cho giáo viên mầm non

Từ những đặc điểm thực trạng trên, chúng tôi đề xuất một số biện pháp quản lý nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác BDTX cho giáo viên ở các trường mầm non thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị sau đây:

Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên mầm non về hoạt động BDTX

Tổ chức cho CBQL, giáo viên học tập các Nghị quyết của Đảng, chủ trương của Nhà nước, của ngành GD&ĐT về đổi mới giáo dục nói chung, đổi mới GDMN nói riêng. Tổ chức nghiên cứu, học tập, thảo luận các chuyên đề cho đội ngũ giáo viên để giúp đội ngũ giáo viên nắm rõ các phương pháp đổi mới, căn cứ xây dựng, cấu trúc, nội dung của mầm non, các tiêu chuẩn, tiêu chí của giáo viên mầm non, quy trình và công cụ đánh